

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới,  
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2892/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 44/TTr-SVHTTDL ngày 11 tháng 8 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Quyết định số 2892/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ  
TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (03 TTHC)**

| STT                                                                                                                             | Tên TTHC                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                   | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                  | TTHC liên thông |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                                 | Mã số TTHC                                                                                               |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2892/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |                                                                                                          |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                     |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
| 1                                                                                                                               | Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (thẩm quyền của Sở Xây dựng)<br><br>1.014190.H21 | - 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô.<br>- 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa.<br>(Kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | -                                 | Toàn trình            | -                    | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. | -               |
| 2                                                                                                                               | Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (thẩm quyền của Sở Xây dựng)                 | - 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô.<br>- 07 ngày làm việc                                                                          | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà                                                                                         | -                                 | Toàn trình            | -                    | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;<br>- Nghị định số                                                                                                                                                                                                                | -               |

| STT                       | Tên TTHC                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                      | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                   | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                  | TTHC liên thông |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                           | Mã số TTHC                                                                                                   |                                                                          |                                                                                                                                                     |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
|                           | 1.014191.H21                                                                                                 | đối với phương tiện thủy nội địa.<br>(Kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Trung, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai                                                             |                                   |                       |                      | 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.                                                                  |                 |
| 3                         | Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch (thẩm quyền của Sở Xây dựng)<br><br>1.014192.H21 | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ                       | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | -                                 | Toàn trình            | -                    | - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;<br>- Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. | -               |
| <b>Tổng cộng: 03 TTHC</b> |                                                                                                              |                                                                          |                                                                                                                                                     |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (03 TTHC)

| STT                                                                                                                          | Tên thủ tục hành chính                                                                 | Mức độ<br>DVC trực tuyến | Tên VBQPPL quy định việc<br>bãi bỏ TTHC                              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                              | Mã số TTHC                                                                             |                          |                                                                      |
| Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 2892/QĐ-BVHTTDL ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |                                                                                        |                          |                                                                      |
| 1                                                                                                                            | Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch<br>1.008027.000.00.00.H21      | Toàn trình               | Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. |
| 2                                                                                                                            | Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch<br>1.008028.000.00.00.H21  | Toàn trình               | Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. |
| 3                                                                                                                            | Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch<br>1.008029 .000.00.00.H21 | Toàn trình               | Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. |
| Tổng cộng : 03 TTHC                                                                                                          |                                                                                        |                          |                                                                      |